TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ LỘC** **THÀNH PHỐ HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **111**/2025/HNGĐ-ST
Ngày 06-6-2025.
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, THÀNH PHỐ HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huyền.

- Các Hội thẩm nhân dân: + Bà Nguyễn Nhàn Khánh Phú.

+ Bà Trần Thị Xuân Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiền, Thư ký Toà án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc, thành phố Huế: Ông Lê Văn Đông, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc, thành phố H, số E L, thị trấn P, huyện P, thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 36/2025/TLST-HNGĐ ngày 13/3/2025 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐ-ST ngày 05 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2025/QĐ-ST ngày 21/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc, thành phố H, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần N, sinh năm 1983.

Địa chỉ: TDP L, thị trấn L, huyện P, thành phố H. Có mặt.

- Bị đơn: Chị Huyền Tôn Nữ Quỳnh T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: TDP L, thị trấn L, huyện P, thành phố H. Vắng mặt lần 2 không có lý do.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các con chung anh Trần N và chị Huyền Tôn Nữ Quỳnh T: Bà Trần Thị Quỳnh P – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố H. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của anh Trần Nam Đ *ngày 17/02/2025 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Nguyên đơn anh Trần N *trình bày:*

Anh N và chị T quen nhau, tìm hiểu và kết hôn tự nguyện từ năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, nay là thị trấn L, huyện P, thành phố H vào này 30/10/2010. Vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn, rồi phát sinh mâu thuẫn,

anh N khai rằng nguyên nhân do chị T không chăm lo cho con cái và cuộc sống gia đình, ham chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần, nay vợ chồng không còn tình cảm với nhau, đã sống ly thân. Hiện tại, tình cảm vợ chồng đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được nên khả năng vợ chồng đoàn tụ là không thể. Do đó, anh N muốn được ly hôn với chị T để ổn định cuộc sống.

Quá trình sống chung, vợ chồng anh N và chị T có 03 con chung là cháu Trần Bảo N1, sinh ngày 18/12/2009; cháu Trần Bảo A, sinh ngày 19/4/2016 và cháu Trần Bảo L, sinh ngày 20/6/2019. Hiện cả 03 cháu đang sống với anh N. Anh N yêu cầu được nuôi 03 cháu sau khi ly hôn và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Trần N khai vợ chồng tự thoả thuận về tài sản chung, nợ chung không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Huyền Tôn Nữ Quỳnh T*:* Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho chị T nhưng chị T không đến Tòa án để làm việc. Tòa án đã liên hệ nhiều lần giao giấy triệu tập, Thông báo cho chị T (tống đạt các văn bản tố tụng cho chị T; niêm yết tại nhà chị T và tại trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn L) nhưng chị T vẫn cố tình vắng mặt. Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị T đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại Tổ dân phố L, thị trấn L thì được cho biết: Vợ chồng anh N chị T có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L. Quá trình sống chung thì địa phương có biết việc vợ chồng anh N chị T có mâu thuẫn vợ chồng, vì thực tế ở địa phương có xảy ra cãi vã ồn ào. Hiện tại, anh N và các con ở nhà bố mẹ anh N (ngay cạnh nhà riêng vợ chồng anh N chị T), còn chị T vẫn ở nhà riêng tại Tổ dân phố L, thị trấn L, huyện P, thành phố H.

Tại phiên toà, bà Trần Thị Quỳnh P là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các con chung anh Trần N và chị Huyền Tôn Nữ Quỳnh T trình bày: Cháu Trần Bảo N1, sinh ngày 18/12/2009; cháu Trần Bảo A, sinh ngày 19/4/2016 và cháu Trần Bảo L, sinh ngày 20/6/2019 hiện tại đang sống với anh Trần N và đều do anh N chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu Trần Bảo N1 và cháu Trần Bảo A (đều đã trên 07 tuổi) trình bày ý kiến đều có nguyện vọng được sống với ba nếu ba mẹ ly hôn. Anh Trần N có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 03 con chung sau khi ly hôn. Nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Trần N và nguyện vọng của các con chung anh N và chị T, giao các cháu Trần Bảo N1, sinh ngày 18/12/2009; cháu Trần Bảo A, sinh ngày 19/4/2016 và cháu Trần Bảo L, sinh ngày 20/6/2019 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi là phù hợp.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc, thành phố H có ý kiến như sau:

Về kiểm sát tuân theo pháp luật về tố tụng và về nội dung giải quyết vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng trong vụ án đều tuân theo pháp luật tố tụng dân sự không vi phạm gì cần phải kiến nghị để khắc phục.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhân yêu cầu của Nguyên đơn, cho anh Trần N được ly hôn với chị Huyền Tôn Nữ Quỳnh T. Về con chung: Anh N và chị T có 03 con chung là: Cháu Trần Bảo N1, sinh ngày 18/12/2009; cháu Trần Bảo A, sinh ngày 19/4/2016 và cháu Trần Bảo L, sinh ngày 20/6/2019. Hiện cả 03 cháu đang sống với anh N. Chấp nhận yêu cầu của anh N yêu cầu được nuôi 03 cháu sau khi ly hôn và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Trần N khai vợ chồng tự thoả thuận về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Anh N phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và qua thẩm tra tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu xin ly hôn, tranh chấp nuôi con của anh Trần N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vợ chồng anh Trần N và chị Huyền Tôn Nữ Quỳnh T kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, nay là thị trấn L, huyện P, thành phố H, được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/10/2010 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Do vợ chồng không hợp tính tình nhau, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã và anh N khai rằng chị T bỏ bê không chăm lo cho gia đình, con cái, ham chơi cờ bạc dẫn dến nợ nần. Nay tình cảm vợ chồng đã hết, vợ chồng sống ly thân đã lâu và không có khả năng hàn gắn để đoàn tụ nên anh N muốn được ly hôn với chị T để ổn định cuộc sống.

Tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn anh Trần N xin giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn chị Huyền Tôn Nữ Quỳnh T được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt lần 02, nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xem như chị T từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình trước phiên tòa, Tòa án xét xử vắng mặt chị T.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh N và chị T đã trầm trọng, kéo dài, tình cảm vợ chồng giữa họ thực sự đã hết, khả năng đoàn tụ vợ chồng là rất khó, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện tại, anh N và chị T đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận cho anh N được ly hôn với chị T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về con chung: Anh Trần N và chị Huyền Tôn Nữ Quỳnh T có 03 con chung là: Cháu Trần Bảo N1, sinh ngày 18/12/2009; cháu Trần Bảo A, sinh ngày 19/4/2016 và cháu Trần Bảo L, sinh ngày 20/6/2019. Hiện cả 03 cháu đang sống với anh N. Cháu Trần Bảo N1 và cháu Trần Bảo A (đều đã trên 07 tuổi) trình bày ý kiến đều có nguyện vọng được sống với ba T nếu ba mẹ ly hôn. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của anh N và giao cho anh N được nuôi 03 con chung sau khi ly hôn. Chấp nhận yêu cầu của anh N là không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được phép cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Trần N khai vợ chồng tự thoả thuận về tài sản chung, nợ chung không có và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Toà án không giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Anh N phải chịu 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 205, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn anh Trần N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Trần N được ly hôn với chị Huyền Tôn Nữ Quỳnh T.

2. Về con chung: Anh Trần N và chị Huyền Tôn Nữ Quỳnh T có 03 con chung là: Cháu Trần Bảo N1, sinh ngày 18/12/2009; cháu Trần Bảo A, sinh ngày 19/4/2016 và cháu Trần Bảo L, sinh ngày 20/6/2019. Hiện cả 03 cháu đang sống với anh N.

Giao cháu Trần Bảo N1, sinh ngày 18/12/2009; cháu Trần Bảo A, sinh ngày 19/4/2016 và cháu Trần Bảo L, sinh ngày 20/6/2019 cho anh Trần N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Chị Huyền Tôn Nữ Quỳnh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được phép cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Trần N khai vợ chồng tự thoả thuận về tài sản chung và không yêu cầu Toà án giải quyết; nợ chung không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Toà án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Anh Trần N phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số: 0002020 ngày 13/3/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Phú Lộc, thành phố H. Anh N đã nộp đủ và không phải nộp thêm.

5. Anh Trần N có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị Huyền Tôn Nữ Quỳnh T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND TP Huế;
- VKSND TP Huế;
- VKSND huyện Phú Lộc;
- Chi cục THADS huyện Phú Lộc;
- UBND thị trấn Lộc Sơn,
Số 67, ngày 30/12/2010;
- Các đương sự;
- Lưu:HSVA;HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Huyền